

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2019/HS-PT
Ngày: 15-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung

Ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Trần Duy Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 112/2019/HS-PT ngày 22 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo Mai Ngọc Cao N, Đoàn Thành N, Trần Tất D, Chu Vĩnh T, Võ Thị Ngọc A, Vương Văn Đ, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Minh T, Hồ Tấn M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Vũ N, Giáp Văn T do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp đối với các bị cáo Trần Tất D, Chu Vĩnh T, Võ Thị Ngọc A, Vương Văn Đ, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị N, Nguyễn Vũ N, Giáp Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2019/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2019/QĐXXPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Mai Ngọc Cao N, tên gọi khác: N1, sinh năm 1985 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Bon Đ, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn K (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; có vợ là Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1990 và 02 con; nhân thân: Tại bản án sơ thẩm số 07/2016/HSST ngày 20/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị xử phạt 15.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Tại Quyết định số 15/2017/HS-GĐT ngày 10/02/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên miễn trách nhiệm hình sự; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018; đang tại ngoại – Có mặt.

2. Đoàn Thành N, sinh năm 1976 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn I, xã U, huyện R, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn C và bà Phan Thị G (đều đã chết); nhân thân: Tại bản án số 155/HSST ngày 05/8/1996 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 04/10/1996 chấp hành xong hình phạt; tại bản án sơ thẩm số 221/2007/HSST ngày 11/9/2007 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị xử phạt 04 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, đến ngày 15/6/2010 chấp hành xong hình phạt, ngày 17/3/2008 chấp hành xong khoản án phí hình sự và dân sự; vào năm 2016 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông khởi tố, điều tra về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, đến ngày 08/7/2016 được Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đình chỉ vụ án đối với bị can Đoàn Thành N do người bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án; tiền sự: Ngày 10/12/2012 bị Ủy ban nhân dân huyện R ra Quyết định số: 2664/QĐ-UBND về việc đưa Đoàn Thành N vào trường Giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 1 thuộc xã H, huyện Y, tỉnh Đắk Nông để chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 24 tháng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Đến ngày 16/11/2014 Đoàn Thành N bỏ trốn khỏi trường Giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 1 đến nay và chưa chấp hành xong theo quyết định trên; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018, đang tại ngoại – Có mặt.

3. Trần Tất D, sinh năm 1983 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn X, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tất Đ, sinh năm 1947 và bà Trần Thị T, sinh năm 1956; có vợ là Vũ Thị Hoàng Y, sinh năm 1987 và 02 con; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018, đang tại ngoại – Có mặt.

4. Chu Vĩnh T, tên gọi khác: E, sinh năm 1985 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Thôn S, xã K, huyện R, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Vĩnh T, sinh năm 1964 và bà Vương Thị K, sinh năm 1963; có vợ là Ngô Thị L, sinh năm 1982; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018, đang tại ngoại - Có mặt.

5. Võ Thị Ngọc A, tên gọi khác: G, sinh năm 1967 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; cha không xác định được tên, mẹ là bà Nguyễn Thị Tường (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Hữu Hòa, sinh năm 1967 và 02 con; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018, đang tại ngoại - Có mặt.

6. Vương Văn Đ, sinh năm 1983 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn H (đã chết) và bà Trần Thị V, sinh năm 1953; có vợ là Thị N, sinh năm 1985

và 01 con sinh năm 2012; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018, đang tại ngoại - Có mặt.

7. Nguyễn Thanh B, tên gọi khác: H, sinh năm 1979 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Tổ G, thị trấn C, huyện R, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh L (chết) và bà Trần Thị M, sinh năm 1948; có vợ là Đặng Thị T, sinh năm 1985 và 02 con; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018, đang tại ngoại - Có mặt.

8. Nguyễn Minh T; sinh năm 1976 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1955 và bà Chu Thị Thu V, sinh năm 1958; có vợ là Đỗ Thị X, sinh năm 1990 và 02 con; nhân thân: Tại bản án sơ thẩm số 08/HSST ngày 21/02/2002 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 29/9/2003 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 21/02/2002 chấp hành khoản án phí hình sự; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018, đang tại ngoại - Có mặt.

9. Hồ Tấn M; sinh năm 1972 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn O, xã P, huyện V, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Tấn C (đã chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1951; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 và 02 con; nhân thân: tại bản án sơ thẩm số 52/2006/HSST ngày 09/08/2008 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị xử phạt 27 tháng tù nhưng cho hưởng an treo, thời gian thử thách là 39 tháng kể từ ngày tuyên án, phạt bổ sung số tiền 1.000.000 đồng và truy thu số tiền 1.860.000 đồng sung công quỹ nhà nước về tội “*Đánh bạc*”, ngày 12/7/2012 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước ra quyết định miễn tiền án phí và ngày 22/8/2016 ra quyết định miễn phần hình phạt bổ sung và miễn số tiền truy thu; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018, đang tại ngoại - Có mặt.

10. Nguyễn Thị N; sinh năm 1964 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sinh Q (đã chết) và bà Võ Thị H, sinh năm 1931; có chồng là Trần Văn B, sinh năm 1973 và 02 con; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018, đang tại ngoại - Có mặt.

11. Nguyễn Vũ N, sinh năm 1975 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Thôn E, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Vũ H, sinh năm 1950 và Trần Thị Đ, sinh năm 1953; có vợ là Huỳnh Thị Vân L, sinh năm 1978 và 02 con; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018, đang tại ngoại - Có mặt.

12. Giáp Văn T; sinh năm 1958 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn V, xã

U, huyện R, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giáp Văn D và bà Đỗ Thị L (đều đã chết); có vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1959 và 02 con; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018, đang tại ngoại - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Mai Ngọc Cao N: Luật sư Hoàng Văn Q; địa chỉ: Chi nhánh Văn phòng luật sư T, đường A, phường Ê, thị xã Ô, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 08/8/2018, Vương Văn Đ, Võ Thị Ngọc A, Trần Tất D, Chu Vĩnh T, Huỳnh Văn T, Nguyễn Thanh B, Đào Văn M, Nguyễn Vũ N đến quán cà phê Ô (Thôn L, xã Q, huyện R) do Mai Ngọc Cao N làm chủ uống cà phê. Đến 13 giờ cùng ngày Mai Ngọc Cao N nói với Vương Văn Đ cắt quân vị để chơi xóc đĩa được thua bằng tiền, Vương Văn Đ đi vào bên trong quán dùng kéo cắt 02 quân bài tú lơ khơ thành 04 quân vị hình tròn, còn Mai Ngọc Cao N vào trong quán lấy 01 chén nhựa, 01 đĩa bằng sứ. Sau đó, các đối tượng chơi xóc đĩa, trong đó Mai Ngọc Cao N là người cầm cái, chỉ có Huỳnh Văn T và Đào Văn M không tham gia mà ngồi xem.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày Giáp Văn T đến, Hồ Tấn M là nhân viên phục vụ tại quán cà phê Ô cùng vào tham gia xóc đĩa, Trần Ngọc A cũng đến nhưng không tham gia đánh bạc mà nằm nghỉ trên võng của quán. Lúc này Mai Ngọc Cao N và Giáp Văn T thay nhau làm cái, số tiền cá cược tăng lên từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng mỗi ván. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày Đoàn Thành N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Minh T đến và cùng tham gia chơi xóc đĩa, Nguyễn Duy T cũng đến nhưng không tham gia mà ngồi xem. Sau đó, Giáp Văn T không tham gia nữa mà bỏ về trước, nên Đoàn Thành N là người cầm cái. Đến 16 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp bắt quả tang gồm: Mai Ngọc Cao N, Đoàn Thành N, Trần Tất D, Chu Vĩnh T, Võ Thị Ngọc A, Nguyễn Minh T, Vương Văn Đ, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị N, Nguyễn Vũ N, Hồ Tấn M, Nguyễn Duy T, Đào Văn M, Trần Ngọc A, Huỳnh Văn T.

Cách đánh xóc đĩa: Trong 04 quân vị được cắt ra từ quân bài tú lơ khơ một mặt có hình hoa văn màu xanh giống nhau, một mặt có 02 quân vị có chất “cơ” màu đỏ, 02 quân vị chất “chuồn” màu đen (được gọi là cùng màu). Người xóc (gọi là người cầm cái) bỏ 04 quân vị vào trong đĩa rồi úp bát (chén) lên xóc, người tham gia chơi phải cá cược trước số tiền với người cầm cái trước khi mở bát và chọn “chẵn” hoặc “lẻ” để tính được thua với người cầm cái, chẵn là có 04 quân vị hoặc 02 quân vị cùng màu, lẻ là có 01 quân vị khác màu và 03 quân vị cùng màu ngửa trên mặt đĩa khi người cầm cái mở bát. Số tiền người tham gia cá cược với người cầm cái từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Trong lúc đánh bạc thì Mai Ngọc Cao N nói góp tiền mua nước uống thì Nguyễn Thanh B, Nguyễn Vũ N, Trần Tất D góp mỗi người 50.000 đồng, Võ Thị Ngọc A góp 20.000 đồng đưa cho Mai Ngọc Cao

N, sau đó Mai Ngọc Cao N sử dụng số tiền này để mua nước và thuốc lá cho các con bạc sử dụng.

Vật chứng thu giữ được gồm số tiền 5.755.000 đồng tại chiếu bạc và một số vật chứng liên quan khác. Thu giữ số tiền trong người của Mai Ngọc Cao N là 60.000 đồng; Đoàn Thành N là 150.000 đồng; Trần Tất D là 4.000.00đồng; Nguyễn Thanh B là 5.680.000 đồng; Nguyễn Thị N là 600.000 đồng; Hồ Tấn M là 650.000 đồng; Nguyễn Vũ N là 480.000 đồng dùng vào việc đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định được trước khi chơi xóc đĩa số tiền mang theo của Võ Thị Ngọc A là 1.700.000 đồng, Nguyễn Minh T là 300.000 đồng và được Nguyễn Thanh B cho 200.000 đồng, tổng cộng 500.000 đồng, Vương Văn Đ là 320.000 đồng. Quá trình đánh bạc đã thua hết nên không thu giữ được số tiền trong người của các đối tượng này.

Đối với Giáp Văn T trước khi đánh bạc mang theo số tiền 250.000 đồng, quá trình đánh bạc thắng 500.000 đồng nhưng bỏ về trước, sau đó đem giao nộp 750.000 đồng là số tiền dùng vào việc đánh bạc.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2019/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Ngọc Cao N 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” và khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Ngọc Cao N 01 năm tù về tội “*Gá bạc*”. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Mai Ngọc Cao N chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 năm 06 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Thành N 08 tháng tù, bị cáo Nguyễn Minh T 08 tháng tù, Hồ Tấn M 06 tháng tù cùng về tội “*Đánh bạc*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Chu Vĩnh T), xử phạt bị cáo Trần Tất D 08 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thanh B 08 tháng tù, bị cáo Vương Văn Đ 07 tháng tù, bị cáo Nguyễn Vũ N 07 tháng tù, bị cáo Võ Thị Ngọc A 07 tháng tù, bị cáo Giáp Văn T 07 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thị N 06 tháng tù, bị cáo Chu Vĩnh T 04 tháng tù cùng về tội “*Đánh bạc*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 09-9-2019, các bị cáo Võ Thị Ngọc A, Giáp Văn T, Nguyễn Vũ N, Trần Tất D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (phạt tiền hoặc án treo).

Ngày 09-9-2019, các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thanh B, Vương Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (phạt tiền hoặc án treo); ngày 18-9-2019, các bị cáo kháng cáo bổ sung kêu oan.

Ngày 10-9-2019, bị cáo Hồ Tấn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 13-9-2019, bị cáo kháng cáo bổ sung kêu oan.

Ngày 10-9-2019, bị cáo Đoàn Thành N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12-9-2019, bị cáo Mai Ngọc Cao N kháng cáo kêu oan đối với tội “*Đánh bạc*” và tội “*Gá bạc*”.

Ngày 16-9-2019, bị cáo Chu Vĩnh T kháng cáo kêu oan.

Ngày 20-9-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’Lấp kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng giảm hình phạt và cho hưởng án treo đối với các bị cáo Võ Thị Ngọc A, Giáp Văn T, Nguyễn Vũ N, Trần Tất D, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thanh B, Vương Văn Đ, Chu Vĩnh T.

Ngày 14-11-2019, các bị cáo Nguyễn Thị N, Vương Văn Đ có đơn rút kháng cáo kêu oan, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Thành N thay đổi kháng cáo là kháng cáo kêu oan; các bị cáo khác giữ nguyên nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát rút toàn bộ nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo Mai Ngọc Cao N về tội “*Gá bạc*” theo khoản 1 Điều 322 và tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321; các bị cáo còn lại về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật đối với bị cáo Mai Ngọc Cao N, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo; đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’Lấp.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo kêu oan:

[1.1]. Xét kháng cáo kêu oan đối với tội “*Gá bạc*” của bị cáo Mai Ngọc Cao N: Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và lời khai của bà Nguyễn Thị Lan là mẹ ruột của bị cáo (BL 473-474) thể hiện quán cà phê Ở (địa điểm đánh bạc) thuộc quyền sở hữu của bị cáo. Tại bản kết luận điều tra bổ sung số 04 ngày 19-5-2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk R’Lấp (BL 619-620) thể hiện trong quá trình chơi xóc đĩa bị cáo đã kêu gọi các bị cáo đang thắng bạc đưa tiền để mua nước và thuốc lá nên các bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Vũ N, Trần Tất D mỗi

người đưa 50.000đ và bị cáo Võ Thị Ngọc A đưa 20.000đ. Sau đó, bị cáo đã đưa số tiền này cho bị cáo Hồ Tấn M (là nhân viên quán) để mua từ quán O 09 chai, lon nước ngọt và 01 ly cà phê hết số tiền 100.000đ. Như vậy, việc bị cáo sử dụng quán cà phê thuộc quản lý của mình để chứa việc đánh bạc, có trục lợi gián tiếp từ các con bạc (thông qua việc kêu gọi tiền và bán nước của quán O) đã xác định được bị cáo có hành vi gá bạc trái phép, hành vi gá bạc này đề cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000đ trở lên. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Gá bạc*” theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[1.2]. Xét kháng cáo kêu oan đối với tội “*Đánh bạc*” của các bị cáo Mai Ngọc Cao N, Đoàn Thành N, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thanh B, Hồ Tấn M, Chu Vĩnh T: Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 209-216), biên bản lấy lời khai của các bị cáo gồm bị cáo Mai Ngọc Cao N (BL 388), bị cáo Nguyễn Thị N (BL 392), bị cáo Đoàn Thành N (BL 396a), bị cáo Giáp Văn T (BL 398), bị cáo Võ Thị Ngọc A (BL 402), bị cáo Nguyễn Thanh B (BL 405-406), bị cáo Trần Tất D (BL 408), bị cáo Chu Vĩnh T (BL 416), bị cáo Vương Văn Đ (BL 420), bị cáo Nguyễn Minh T (BL 426), bị cáo Nguyễn Vũ N (BL 438) thể hiện số tiền sử dụng vào mục đích chơi xóc đĩa được thua bằng tiền là 18.125.000đ. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai đối với bị cáo Hồ Tấn M (BL 432) và tại biên bản phiên tòa hình sự sơ thẩm công khai ngày 05-9-2019 (BL 759) bị cáo Hồ Tấn M khai nhận chỉ sử dụng số tiền 50.000đ để chơi xóc đĩa, còn số tiền 600.000đ không sử dụng vào mục đích chơi xóc đĩa. Đồng thời, tại cấp sơ thẩm các bị cáo không khai nhận liên quan đến số tiền 3.000.000đ được cho là không nằm trên chiếu bạc như theo đơn kháng cáo kêu oan, các bị cáo cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền 3.000.000đ này không nằm trên chiếu bạc. Vì vậy, xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc 17.525.000đ là phù hợp.

Căn cứ khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22-10-2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (hiện nay vẫn còn hiệu lực pháp luật):

3. “*Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc*” bao gồm:

- a) *Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc;*
- b) *Tiền hoặc hiện vật thu giữ được trong người các con bạc mà có căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc;*
- c) *Tiền hoặc hiện vật thu giữ ở những nơi khác mà có đủ căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc.*

4. *Khi xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc cần phân biệt:*

- a) *Trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau thì việc xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc đối với từng người đánh bạc là tổng số tiền, giá trị hiện vật của những người cùng đánh bạc được hướng dẫn tại khoản 3 Điều này;*

Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt các bị cáo Mai Ngọc Cao N, Đoàn Thành N, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thanh B, Hồ Tấn M, Chu Vĩnh T về tội “*Đánh*

bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[1.3]. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Mai Ngọc Cao N, Đoàn Thành N, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thanh B, Hồ Tấn M, Chu Vĩnh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tội danh đối với các bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo Đoàn Thành N, Nguyễn Minh T, Hồ Tấn M: Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Đoàn Thành N, Nguyễn Minh T mỗi bị cáo 08 tháng tù, bị cáo Hồ Tấn M 06 tháng tù là còn nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, không công bằng so với các bị cáo khác trong cùng vụ án vì các bị cáo này có nhân thân xấu, có ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự so với các bị cáo khác. Tuy nhiên, do không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng bất lợi cho các bị cáo nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để tăng hình phạt đối với các bị cáo. Do vậy, cũng không có căn cứ để giảm hình phạt hay cho hưởng án treo đối với các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Hơn nữa, các bị cáo Nguyễn Minh T, Hồ Tấn M còn có đơn kháng cáo kêu oan, bị cáo Đoàn Thành N tại phiên tòa thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo kháng cáo kêu oan, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình điều này thể hiện các bị cáo chưa thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

[3]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’Lấp đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng giảm hình phạt và cho hưởng án treo đối với các bị cáo Võ Thị Ngọc A, Giáp Văn T, Nguyễn Vũ N, Trần Tất D, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thanh B, Vương Văn Đ, Chu Vĩnh T và kháng cáo của các bị cáo Võ Thị Ngọc A, Giáp Văn T, Nguyễn Vũ N, Trần Tất D, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thanh B, Vương Văn Đ:

[3.1]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’Lấp nên Hội đồng xét xử không xem xét đến kháng nghị. Tuy nhiên, do có kháng cáo của các bị cáo này nên Hội đồng xét xử không đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo này.

[3.2]. Đối với kháng cáo của các bị cáo nêu trên:

[3.2.1]. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Trần Tất D, Nguyễn Thanh B mỗi bị cáo 08 tháng tù, các bị cáo Vương Văn Đ, Nguyễn Vũ N, Võ Thị Ngọc A, Giáp Văn T mỗi bị cáo 07 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thị N 06 tháng tù, bị cáo Chu Vĩnh T 04 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra vì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt các bị cáo ở mức gần, bằng hoặc thấp hơn mức phạt tù khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự trong khi các bị cáo đánh bạc với tổng số tiền bị truy cứu trách nhiệm hình sự gấp 03 lần mức khởi điểm bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc quyết định mức hình phạt không công bằng giữa các bị cáo là do Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Mai Ngọc Cao N, Đoàn Thành N, Nguyễn Minh T, Hồ Tấn M còn nhẹ nhưng

nếu đã nhận định ở trên thì Hội đồng xét xử không có căn cứ để tăng hình phạt đối với các bị cáo này. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc giảm hình phạt đối với các bị cáo.

[3.2.2]. Về việc xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo này đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, không phải trường hợp nào cứ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có đủ điều kiện được hưởng án treo thì cũng đều cho các bị cáo được hưởng án treo mà phải căn cứ vào tình hình tội phạm tại địa phương, việc cho các bị cáo được hưởng án treo quá nhiều, quá đại trà sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét cho hưởng án treo đối với một số bị cáo, cụ thể:

Đối với các bị cáo Chu Vĩnh T, Nguyễn Thanh B sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo có đơn kháng cáo kêu oan điều này thể hiện các bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải; bị cáo Giáp Văn T có vai trò quan trọng trong vụ án (cầm cái); bị cáo Trần Tất D là người dùng số tiền lớn nhất vào việc đánh bạc (4.150.000đ); bị cáo Nguyễn Vũ N là người dùng số tiền lớn thứ tư vào việc đánh bạc (1.000.000đ) và tham gia đánh bạc từ đầu đến cuối đồng thời các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo nêu trên được hưởng án treo.

Đối với các bị cáo Võ Thị Ngọc A, Nguyễn Thị N đều là phụ nữ đã lớn tuổi, bị cáo Ánh không có kháng cáo kêu oan, có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo Nga và bị cáo Vương Văn Đ tuy có kháng cáo kêu oan nhưng sau đó đã rút nội dung kháng cáo này, các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc ít, cụ thể bị cáo Nga là 610.000đ, bị cáo Đồng là 320.000đ; gia đình bị cáo Đồng thuộc diện hộ nghèo. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có đủ các điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo này, cho các bị cáo được hưởng án treo.

[4]. Về áp dụng pháp luật:

Đối với các bị cáo có kháng cáo kêu oan: Tuy tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là đúng pháp luật. Do đó, cấp phúc thẩm không sửa bản án sơ thẩm theo hướng làm xấu đi tình trạng của các bị cáo vì không có kháng cáo, kháng nghị gây bất lợi cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Mai Ngọc Cao N: Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn là không đúng quy định pháp luật nên cần

sửa án sơ thẩm về phần điều luật áp dụng đối với bị cáo Nguyên, việc sửa điều luật áp dụng này không làm ảnh hưởng xấu đến tình trạng của bị cáo Nguyên.

[5]. Về án phí:

[5.1]. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo Võ Thị Ngọc A, Nguyễn Thị N, Vương Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Đối với bị cáo Mai Ngọc Cao N do sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật đối với bị cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5.2]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Giáp Văn T, Nguyễn Vũ N, Trần Tất D, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Minh T, Hồ Tấn M, Đoàn Thành N, Chu Vĩnh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 342; điểm e khoản 1 Điều 357; của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

2. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Đoàn Thành N, Chu Vĩnh T; không chấp nhận kháng cáo kêu oan, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Thanh B, Hồ Tấn M; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Mai Ngọc Cao N, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tội danh, sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật đối với bị cáo.

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Ngọc Cao N 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” và khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Ngọc Cao N 01 năm tù về tội “*Gá bạc*”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Mai Ngọc Cao N chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 năm 06 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Đoàn Thành N, Nguyễn Minh T mỗi bị cáo 08 tháng tù, Hồ Tấn M 06 tháng tù cùng về tội “*Đánh bạc*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 08 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Vĩnh T 04 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018.

3. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo Trần Tất D, Nguyễn Vũ N, Giáp Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

3.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Tất D 08 tháng tù, bị cáo Nguyễn Vũ N 07 tháng tù cùng về tội “*Đánh bạc*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 14/8/2018.

3.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giáp Văn T 07 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Võ Thị Ngọc A, Nguyễn Thị N, Vương Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt và cho hưởng án treo đối với các bị cáo.

4.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Vương Văn Đ và Võ Thị Ngọc A mỗi bị cáo 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”, thời gian thử thách đối với mỗi bị cáo là 01 năm 02 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

4.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Võ Thị Ngọc A, Vương Văn Đ, Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

5. Về án phí:

5.1. Các bị cáo Võ Thị Ngọc A, Nguyễn Thị N, Vương Văn Đ, Mai Ngọc Cao N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5.2. Các bị cáo Giáp Văn T, Nguyễn Vũ N, Trần Tất D, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Minh T, Hồ Tấn M, Đoàn Thành N, Chu Vĩnh T mỗi bị cáo phải chịu án 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ – Công an tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Công an huyện Đắk R'Lấp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp;
- Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu: Tổ hành chính tư pháp, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Cảnh